



quán wáng

拳王

noun · boxing champion

Example Sentences

Zhè wèi quán wáng zài bǐ sài zhōng cóng wèi rèn shū
这位拳王在比赛中从未认输。

This boxing champion has never admitted defeat in a match.

Quán wáng Ā lǐ shì hěn duō rén de ǒu xiàng
拳王阿里是很多人的偶像。

Boxing champion Ali is an idol for many people.

Trace each character, then write the word on your own.

拳	拳	拳	拳	拳	拳	拳	拳	拳	拳	拳
拳	拳									

王	王	王	王	王	王	王				
